UBND TỈNH NINH THUẬN
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨ.
Độc lập - Tự do - Hạnh p

Số:120/QĐ-SGTVT

Ninh Thuận, ngày 28 tháng 09 năm .

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN TRÚNG TUYỂN KỲ SÁT HẠCH

GIÁM ĐỐC SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Quyết định số 76/2021/QĐ-UBND ngày 22/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giao thông vận tải tỉnh Ninh Thuận;

Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/04/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT ngày 08/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BGTVT ngày 22/04/2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý vận tải.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận trúng tuyển và cấp Giấy phép lái xe cho 80 học viên lái xe ô tô thi mới các khóa 58001K23C005, 58001K23E002 và vắng thi, thi lại các khóa của Trung tâm giáo dục nghề nghiệp đào tạo và sát hạch lái xe cơ giới đường bộ - Trường Cao đẳng nghề Ninh Thuận và phục hồi giấy phép lái xe quá hạn khóa PS10.2023 của Sở Giao thông vận tải, sát hạch ngày 28/09/2023, gồm:

- Trung tâm giáo dục nghề nghiệp đào tạo và sát hạch lái xe cơ giới đường bộ - Trường Cao đẳng nghề Ninh Thuận: 53 GPLX (14 hạng B2; 32 hạng C, 03 hạng D và 04 hạng E).
- Phục hồi của Sở Giao thông vận tải: 27 GPLX (04 hạng B11, 04 hạng B2, 17 hạng C, 01 hạng D và 01 hạng E).

(Có danh sách thí sinh trúng tuyển và bảng kê kèm theo)

Điều 2. Các Ông (Bà): Trưởng phòng Quản lý vận tải thuộc Sở, Thủ trưởng Cơ sở đào tạo và các cá nhân có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

***Nơi nhận*:**
- Như điều 2;
- Lưu: VT, CQQLSH, WEB Sở.(HVN)

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TỈNH NINH THUẬN

Trần Minh Từ

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐƯỢC CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE

(Ban hành kèm theo Quyết định số 120/QĐ-SGTVT ngày 28/09/2023 của Sở Giao thông vận tải Ninh Thuận)

Trường Cao Đẳng Nghề, Trúng tuyển ngày 28/09/2023, cấp ngày 20/10/2023

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Địa chỉ cư trú	Đã có giấy phép lái xe		Khóa	Hạng GPLX được cấp	Ghi chú
				Hạng	Ngày trúng tuyển			
1	Đào Thị Thanh	29/06/1984	X. An Hải, H. Ninh Phước, T. Ninh Thuận			58001K23B2007	B2	
2	Nguyễn Thị Yến Phi	02/02/1984	TT. Khánh Hải, H. Ninh Hải, T. Ninh Thuận			58001K23B2009	B2	
3	Nguyễn Quốc Thắng	30/05/2000	P. ThanhSơn, TP. PhanRang-ThápChàm, T. Ninh Thuận			58001K23B2010	B2	
4	Hồ Như Hân	05/02/2005	P. PhướcMỹ, TP. PhanRang-ThápChàm, T. Ninh Thuận	A1	12/03/2023	58001K23B2012	B2	
5	Đinh Kỳ Hoàn Trâm	15/10/2000	TT. Cam Đức, H. Cam Lâm, T. Khánh Hòa			58001K23B2012	B2	
6	Võ Thị Anh Chi	20/12/1985	X. Cam Hải Tây, H. Cam Lâm, T. Khánh Hòa			58001K23B2013	B2	
7	Trần Văn Hà	05/01/1994	TT. Liên Hương, H. Tuy Phong, T. Bình Thuận			58001K23B2013	B2	
8	Nguyễn Thị Trúc Linh	20/10/1994	X. Tri Hải, H. Ninh Hải, T. Ninh Thuận			58001K23B2013	B2	
9	Bùi Xuân Nhi	12/04/1981	X. Phương Hải, H. Ninh Hải, T. Ninh Thuận			58001K23B2013	B2	
10	Lê Thành Tâm	20/09/1992	P. Ninh Hiệp, TX. Ninh Hòa, T. Khánh Hòa			58001K23B2013	B2	
11	Nguyễn Đức Thắng	08/06/2005	X. Tri Hải, H. Ninh Hải, T. Ninh Thuận			58001K23B2013	B2	
12	Hồ Thị Kim Thoa	18/02/1991	P. Bảo An, TP. PhanRang-ThápChàm, T. Ninh Thuận			58001K23B2013	B2	
13	Nguyễn Thành Tín	25/10/2004	X. Hòa Sơn, H. Ninh Sơn, T. Ninh Thuận	A1	11/12/2022	58001K23B2013	B2	
14	Phạm Thị Mỹ Trâm	08/02/1997	P. PhướcMỹ, TP. PhanRang-ThápChàm, T. Ninh Thuận			58001K23B2013	B2	
15	Nguyễn Văn Cảnh	12/04/1996	X. Vĩnh Hải, H. Ninh Hải, T. Ninh Thuận			58001K23C0005	C	
16	Cao Quốc Chí	13/06/1994	P. ThanhSơn, TP. PhanRang-ThápChàm, T. Ninh Thuận			58001K23C0005	C	
17	Mai Xuân Cường	18/01/2001	P. KinhDinh, TP. PhanRang-ThápChàm, T. Ninh Thuận	A1	25/07/2019	58001K23C0005	C	
18	Nguyễn Huỳnh Quốc Cường	27/09/1999	P. Phủ Hà, TP. PhanRang-ThápChàm, T. Ninh Thuận			58001K23C0005	C	
19	Nguyễn Thành Đôn	22/04/1993	X. Tri Hải, H. Ninh Hải, T. Ninh Thuận			58001K23C0005	C	
20	Thái Bình Đông	24/04/1994	TT. Cái Nước, H. Cái Nước, T. Cà Mau			58001K23C0005	C	
21	Lê Hoàn Hải	14/07/2000	X. Phước Sơn, H. Ninh Phước, T. Ninh Thuận			58001K23C0005	C	
22	Lê Nguyễn Trung Hải	15/11/2001	X. Nhơn Sơn, H. Ninh Sơn, T. Ninh Thuận			58001K23C0005	C	
23	Diệp Bảo Hồ	10/01/1995	X. Công Hải, H. Thuận Bắc, T. Ninh Thuận			58001K23C0005	C	
24	Phạm Quốc Hoài	01/02/2001	X. Phước Dinh, H. Thuận Nam, T. Ninh Thuận			58001K23C0005	C	
25	Nguyễn Thái Kiên	06/04/2002	X. Tri Hải, H. Ninh Hải, T. Ninh Thuận			58001K23C0005	C	
26	Châu Thành Lịch	18/01/2002	X. An Hải, H. Ninh Phước, T. Ninh Thuận			58001K23C0005	C	
27	Nguyễn Văn Nam	02/07/2000	X. Yên Sơn, H. Đô Lương, T. Nghệ An			58001K23C0005	C	
28	Trần Quốc Cao Nguyên	04/04/1998	X. Xuân Thọ, TP. Đà Lạt, T. Lâm Đồng			58001K23C0005	C	

29	Kiều Tấn Phước	13/05/2002	X. An Hải, H. Ninh Phước, T. Ninh Thuận	A1	22/07/2023	58001K23C0005	C	
30	Lê Xuân Quý	08/11/1985	P. PhướcMỹ, TP. PhanRang-ThápChàm, T. Ninh Thuận			58001K23C0005	C	
31	Huỳnh Kim Sang	05/07/1994	TT. Phước Dân, H. Ninh Phước, T. Ninh Thuận			58001K23C0005	C	
32	Đào Ngọc Sơn	10/06/1994	X. Phước Hữu, H. Ninh Phước, T. Ninh Thuận			58001K23C0005	C	
33	Đặng Văn Sony	20/09/1993	X. Phước Diêm, H. Thuận Nam, T. Ninh Thuận			58001K23C0005	C	
34	Trần Quốc Tài	12/10/2001	X. Phước Dinh, H. Thuận Nam, T. Ninh Thuận			58001K23C0005	C	
35	Trần Quốc Thịnh	02/04/1998	P. Mỹ Hải, TP. PhanRang-ThápChàm, T. Ninh Thuận			58001K23C0005	C	
36	Trương Công Thọ	06/07/1991	TT. Phước Dân, H. Ninh Phước, T. Ninh Thuận			58001K23C0005	C	
37	Huỳnh Văn Tiến	20/12/1991	X. Cát Khánh, H. Phù Cát, T. Bình Định			58001K23C0005	C	
38	Huỳnh Minh Trí	10/11/1988	X. Bắc Phong, H. Thuận Bắc, T. Ninh Thuận			58001K23C0005	C	
39	Nguyễn Kim Trí	03/05/1997	TT. Phước Dân, H. Ninh Phước, T. Ninh Thuận			58001K23C0005	C	
40	Phạm Tuân	05/04/2002	X. Hòa Sơn, H. Ninh Sơn, T. Ninh Thuận			58001K23C0005	C	
41	Phạm Đăng Tuấn	07/04/1994	P. ĐôVinh, TP. PhanRang-ThápChàm, T. Ninh Thuận			58001K23C0005	C	
42	Bùi Ngọc Viên	12/10/1993	TT. Khánh Hải, H. Ninh Hải, T. Ninh Thuận			58001K23C0005	C	
43	Đàng Năng Viên	18/03/1984	TT. Phước Dân, H. Ninh Phước, T. Ninh Thuận			58001K23C0005	C	
44	Nguyễn Anh Việt	09/02/1998	X. Hộ Hải, H. Ninh Hải, T. Ninh Thuận			58001K23C0005	C	
45	Phan Thanh Vinh	22/02/1990	X. Phước Thuận, H. Ninh Phước, T. Ninh Thuận			58001K23C0005	C	
46	Nguyễn Vũ	18/01/1982	X. ThànhHải, TP. PhanRang-ThápChàm, T. Ninh Thuận	A2	22/06/2023	58001K23C0005	C	
47	Lê Xuân Thám	01/01/1980	P. PhướcMỹ, TP. PhanRang-ThápChàm, T. Ninh Thuận	A1B2	1/200420/06/20	58001K23D0006	D	
48	Lộ Văn Thiên	04/02/1965	X. Phước Ninh, H. Thuận Nam, T. Ninh Thuận	B2	25/04/2012	58001K23D0006	D	
49	Trượng Văn Trọng	02/09/1995	X. Phước Hậu, H. Ninh Phước, T. Ninh Thuận	B2A1	7/201503/06/20	58001K23D0006	D	
50	Mai Xuân Diễn	27/05/1988	X. Suối Tân, H. Cam Lâm, T. Khánh Hòa	C	28/12/2015	58001K23E0002	E	
51	Đặng Quốc Hưng	24/07/1988	X. Phước Vinh, H. Ninh Phước, T. Ninh Thuận	C	04/03/2013	58001K23E0002	E	
52	Bùi Văn Lâm	17/12/1990	X. Phước Thuận, H. Ninh Phước, T. Ninh Thuận	C	18/06/2015	58001K23E0002	E	
53	Đặng Văn Trinh	27/08/1993	X. Cư Huê, H. Ea Kar, T. Đắk Lắk	C	17/04/2017	58001K23E0002	E	

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐƯỢC CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE

(Ban hành kèm theo Quyết định số 120/QĐ-SGTVT ngày 28/09/2023 của Sở Giao thông vận tải Ninh Thuận)

Trúng tuyển Phục hồi ngày 28/09/2023, cấp ngày 02/10/2023

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Địa chỉ cư trú	Đã có giấy phép lái xe		Khóa	Hạng GPLX được cấp	Ghi chú
				Hạng	Ngày trúng tuyển			
1	Lã Văn Hùng	23/07/1970	81 Hồ Hảo Hớn P. Cô Giang, Q.1, TP. Hồ Chí Minh	A1 C	23/03/1995 26/06/1990		B1	Hạng:B1 (STĐ)
2	Lã Văn Kính	18/04/1955	81 Hồ Hảo Hớn P. Cô Giang, Q.1, TP. Hồ Chí Minh	A1 D	01/12/1994 05/12/1989		B1	Hạng:B1 (STĐ)
3	Lê Thị Lộc	22/05/1965	Lộc Thành P. Cam Lộc, TP. Cam Ranh, T. Khánh Hòa	B2	01/03/2012		B1	Hạng:B1 (STĐ)
4	Bùi Văn Sỹ	26/06/1981	70/27, KP Đông Chiêu P. Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, T. Bình Dương	B2	30/07/2011		B1	Hạng:B1 (STĐ)
5	Nguyễn Đức Huân	22/02/1961	P. Duy Tân, TP. Kon Tum, T. Kon Tum	B2	12/01/2005		B2	
6	Trần Văn Quý	01/01/1973	Thôn 2 X. Sơn Mỹ, H. Hàm Tân, T. Bình Thuận	B2	10/09/2012		B2	
7	Phan Văn Thắng	10/06/1960	TDP Phú Trung P. Cam Phú, TP. Cam Ranh, T. Khánh Hòa	B2	04/02/2013		B2	
8	Huỳnh Văn Thanh	25/12/1962	Tổ 3 P. Chánh Lộ, TP. Quảng Ngãi, T. Quảng Ngãi	B2	25/12/2012		B2	
9	Nguyễn Văn Hải	13/06/1991	Tổ 4, Khu Phố 9 P. Bình Tân, TX. La Gi, T. Bình Thuận	C	30/08/2013		C	
10	Lưu Minh Hoàng	02/02/1963	A1/032, Lạc Sơn X. Quang Trung, H. Thống Nhất, T. Đồng Nai	C	02/07/2011		C	
11	Lý Hòa Hưng	28/07/1983	Ấp Cam Tiên X. Nhân Nghĩa, H. Cẩm Mỹ, T. Đồng Nai	C	02/12/2017		C	
12	Lê Nhật Khải	28/06/1987	Khu Phố Lại Đức P. Hoài Đức, TX. Hoài Nhơn, T. Bình Định	C	02/04/2016		C	
13	Huỳnh Thanh Mẫn	29/09/1986	Phước Thiện 3 X. Phước Sơn, H. Ninh Phước, T. Ninh Thuận	C	09/04/2017		C	
14	Nguyễn Đoàn Thanh Nhu	01/07/1981	Ấp Phú Lâm 4 X. Phú Sơn, H. Tân Phú, T. Đồng Nai	C	04/05/2005		C	
15	Nguyễn Văn Non	16/10/1986	20/3, Ấp Xương Hòa II X. Thới Thạnh, H. Thạnh Phú, T. Bến Tre	C	09/01/2018		C	
16	Diệp Đại Phong	09/09/1978	Ấp Xuân Thiện X. Xuân Thiện, H. Thống Nhất, T. Đồng Nai	C	03/01/2004		C	
17	Nguyễn Hải Phong	14/07/1973	62 Đường 6 P. Long Trường, Q.9, TP. Hồ Chí Minh	A1 C	07/05/2000 20/05/2017		C	
18	Lê Duy Phương	16/06/1988	KP10 P. PhướcMỹ, TP. PhanRang-ThápChàm, T. Ninh Thuận	C	08/06/2010		C	
19	Lê Văn Sang	23/08/1985	Thôn Phú Thuận X. Mỹ Sơn, H. Ninh Sơn, T. Ninh Thuận	C	22/09/2015		C	
20	Nguyễn Văn Sơn	10/09/1973	TDP Mỹ Ca P. Cam Nghĩa, TP. Cam Ranh, T. Khánh Hòa	C	09/10/2006		C	
21	Lê Quốc Thoảnh	20/01/1986	Thôn Krăngọ 2 X. Ka Đơn, H. Đơn Dương, T. Lâm Đồng	C	12/12/2011		C	
22	Phạm Ngọc Thuyên	15/10/1974	Thôn Đại Lãm X. Tam Dị, H. Lục Nam, T. Bắc Giang	C	18/10/2017		C	
23	Trương Nguyễn Hoài Tiến	15/11/1987	KP1 P. MỹĐông, TP. PhanRang-ThápChàm, T. Ninh Thuận	C	03/04/2018		C	
24	Nguyễn Bảo Trường	21/06/1998	Đá Bạc P. Cam Linh, TP. Cam Ranh, T. Khánh Hòa	C	14/03/2018		C	
25	Nguyễn Văn Thiên Vũ	01/07/1983	Thôn Vĩnh Phú X. Suối Tân, H. Cam Lâm, T. Khánh Hòa	C	19/01/2017		C	
26	Phạm Đoàn Tựu	18/05/1973	KP3 P. ThanhSơn, TP. PhanRang-ThápChàm, T. Ninh Thuận	D	04/07/2000		D	
27	Võ Hoàng Liêm	15/03/1982	Thôn Hiệp Hòa X. Tân Hải, TX. La Gi, T. Bình Thuận	E	27/12/2017		E	

UBND TỈNH NINH THUẬN
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

BẢNG KÊ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE

(Ban hành kèm theo Quyết định số 120/QĐ-SGTVT ngày 28/09/2023 của Sở Giao thông vận tải Ninh Thuận)

Trung tâm Cao Đẳng Nghề, Trúng tuyển hạng B2 ngày 28/09/2023, cấp ngày 02/10/2023

STT	Họ và tên	Ngày sinh	CMT/HC	Quốc tịch	Địa chỉ cư trú	Hạng GPLX	Số GPLX	Ngày hết hạn	Số Sê-ri	Ký nhận
1	VÕ THỊ ANH CHI	20/12/1985	056185010423	Việt Nam	X. Cam Hải Tây, H. Cam Lâm, T. Khánh Hòa	B2	581236004517	02/10/2033	BT069858	
2	TRẦN VĂN HÀ	5/1/1994	060094011169	Việt Nam	TT. Liên Hương, H. Tuy Phong, T. Bình Thuận	B2	580239007653	02/10/2033	BT069811	
3	HỒ NHƯ HÂN	5/2/2005	058305001149	Việt Nam	P. PhướcMỹ, TP. PhanRang-ThápChàm, T. Ninh Thuận	B2	581230000812	02/10/2033	BT069853	
4	NGUYỄN THỊ TRÚC LINH	20/10/1994	086194001403	Việt Nam	X. Tri Hải, H. Ninh Hải, T. Ninh Thuận	B2	581234004515	02/10/2033	BT069820	
5	BÙI XUÂN NHI	12/4/1981	058081005271	Việt Nam	X. Phương Hải, H. Ninh Hải, T. Ninh Thuận	B2	580239007644	02/10/2033	BT069823	
6	NGUYỄN THỊ YẾN PHI	2/2/1984	058184006693	Việt Nam	TT. Khánh Hải, H. Ninh Hải, T. Ninh Thuận	B2	581233004514	02/10/2033	BT069824	
7	LÊ THÀNH TÂM	20/9/1992	056092009503	Việt Nam	P. Ninh Hiệp, TX. Ninh Hòa, T. Khánh Hòa	B2	580231007637	02/10/2033	BT069830	
8	NGUYỄN ĐỨC THẮNG	8/6/2005	058205006347	Việt Nam	X. Tri Hải, H. Ninh Hải, T. Ninh Thuận	B2	580230007636	02/10/2033	BT069832	
9	NGUYỄN QUỐC THẮNG	30/5/2000	058200000557	Việt Nam	P. ThanhSơn, TP. PhanRang-ThápChàm, T. Ninh Thuận	B2	580239007635	02/10/2033	BT069833	
10	ĐÀO THỊ THANH	29/6/1984	058184004899	Việt Nam	X. An Hải, H. Ninh Phước, T. Ninh Thuận	B2	581232004513	02/10/2033	BT069834	
11	HỒ THỊ KIM THOA	18/2/1991	058191001367	Việt Nam	P. Bảo An, TP. PhanRang-ThápChàm, T. Ninh Thuận	B2	581231004512	02/10/2033	BT069838	
12	NGUYỄN THÀNH TÍN	25/10/2004	068204000331	Việt Nam	X. Hòa Sơn, H. Ninh Sơn, T. Ninh Thuận	B2	580229013503	02/10/2033	BT069855	
13	ĐINH KỲ HOÀN TRÂM	15/10/2000	056300008751	Việt Nam	TT. Cam Đức, H. Cam Lâm, T. Khánh Hòa	B2	581230004511	02/10/2033	BT069840	
14	PHẠM THỊ MỸ TRÂM	8/2/1997	058197006558	Việt Nam	P. PhướcMỹ, TP. PhanRang-ThápChàm, T. Ninh Thuận	B2	581239004510	02/10/2033	BT069841	

UBND TỈNH NINH THUẬN
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

BẢNG KÊ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE

(Ban hành kèm theo Quyết định số 120/QĐ-SGTVT ngày 28/09/2023 của Sở Giao thông vận tải Ninh Thuận)

Trung tâm Cao Đẳng Nghề, Trúng tuyển hạng C ngày 28/09/2023, cấp ngày 02/10/2023

STT	Họ và tên	Ngày sinh	CMT/HC	Quốc tịch	Địa chỉ cư trú	Hạng GPLX	Số GPLX	Ngày hết hạn	Số Sê-ri	Ký nhận
1	NGUYỄN VĂN CẢNH	12/4/1996	058096004984	Việt Nam	X. Vĩnh Hải, H. Ninh Hải, T. Ninh Thuận	C	580234007658	02/10/2028	BT069857	
2	CAO QUỐC CHÍ	13/6/1994	058094007202	Việt Nam	P. ThanhSơn, TP. PhanRang-ThápChàm, T. Ninh Thuận	C	580235007659	02/10/2028	BT069859	
3	MAI XUÂN CƯỜNG	18/1/2001	264530097	Việt Nam	P. KinhDinh, TP. PhanRang-ThápChàm, T. Ninh Thuận	C	580195002839	02/10/2028	BT069852	
4	NGUYỄN HUỲNH QUỐC CƯỜNG	27/9/1999	058099002557	Việt Nam	P. Phủ Hà, TP. PhanRang-ThápChàm, T. Ninh Thuận	C	580232007656	02/10/2028	BT069807	
5	NGUYỄN THÀNH ĐÔN	22/4/1993	058093009889	Việt Nam	X. Tri Hải, H. Ninh Hải, T. Ninh Thuận	C	580231007655	02/10/2028	BT069809	
6	THÁI BÌNH ĐÔNG	24/4/1994	096094000253	Việt Nam	TT. Cái Nước, H. Cái Nước, T. Cà Mau	C	580230007654	02/10/2028	BT069810	
7	LÊ HOÀN HẢI	14/7/2000	058200007521	Việt Nam	X. Phước Sơn, H. Ninh Phước, T. Ninh Thuận	C	580237007651	02/10/2028	BT069813	
8	LÊ NGUYỄN TRUNG HẢI	15/11/2001	264538395	Việt Nam	X. Nhơn Sơn, H. Ninh Sơn, T. Ninh Thuận	C	580238007652	02/10/2028	BT069812	
9	DIỆP BẢO HỒ	10/1/1995	058095005393	Việt Nam	X. Công Hải, H. Thuận Bắc, T. Ninh Thuận	C	580236007650	02/10/2028	BT069814	
10	PHẠM QUỐC HOÀI	1/2/2001	058201000392	Việt Nam	X. Phước Dinh, H. Thuận Nam, T. Ninh Thuận	C	580234007649	02/10/2028	BT069815	
11	NGUYỄN THÁI KIÊN	6/4/2002	058202006699	Việt Nam	X. Tri Hải, H. Ninh Hải, T. Ninh Thuận	C	580233007648	02/10/2028	BT069817	
12	CHÂU THÀNH LỊCH	18/1/2002	058202004409	Việt Nam	X. An Hải, H. Ninh Phước, T. Ninh Thuận	C	580232007647	02/10/2028	BT069819	
13	NGUYỄN VĂN NAM	2/7/2000	040200006782	Việt Nam	X. Yên Sơn, H. Đô Lương, T. Nghệ An	C	580231007646	02/10/2028	BT069821	
14	TRẦN QUỐC CAO NGUYÊN	4/4/1998	068098005153	Việt Nam	X. Xuân Thọ, TP. Đà Lạt, T. Lâm Đồng	C	580230007645	02/10/2028	BT069822	
15	KIỀU TẤN PHƯỚC	13/5/2002	058202005727	Việt Nam	X. An Hải, H. Ninh Phước, T. Ninh Thuận	C	580231005459	02/10/2028	BT069854	
16	LÊ XUÂN QUÝ	8/11/1985	058085006750	Việt Nam	P. PhướcMỹ, TP. PhanRang-ThápChàm, T. Ninh Thuận	C	580237007642	02/10/2028	BT069825	
17	HUỲNH KIM SANG	5/7/1994	058094006521	Việt Nam	TT. Phước Dân, H. Ninh Phước, T. Ninh Thuận	C	580236007641	02/10/2028	BT069826	
18	ĐÀO NGỌC SƠN	10/6/1994	058094000411	Việt Nam	X. Phước Hữu, H. Ninh Phước, T. Ninh Thuận	C	580235007640	02/10/2028	BT069827	
19	ĐẶNG VĂN SONY	20/9/1993	058093000921	Việt Nam	X. Phước Diêm, H. Thuận Nam, T. Ninh Thuận	C	580233007639	02/10/2028	BT069828	
20	TRẦN QUỐC TÀI	12/10/2001	058201000880	Việt Nam	X. Phước Dinh, H. Thuận Nam, T. Ninh Thuận	C	580232007638	02/10/2028	BT069829	
21	TRẦN QUỐC THỊNH	2/4/1998	058098004740	Việt Nam	P. Mỹ Hải, TP. PhanRang-ThápChàm, T. Ninh Thuận	C	580238007634	02/10/2028	BT069836	
22	TRƯƠNG CÔNG THỌ	6/7/1991	058091007447	Việt Nam	TT. Phước Dân, H. Ninh Phước, T. Ninh Thuận	C	580237007633	02/10/2028	BT069837	
23	HUỲNH VĂN TIẾN	20/12/1991	052091018882	Việt Nam	X. Cát Khánh, H. Phù Cát, T. Bình Định	C	580236007632	02/10/2028	BT069839	
24	HUỲNH MINH TRÍ	10/11/1988	058088004232	Việt Nam	X. Bắc Phong, H. Thuận Bắc, T. Ninh Thuận	C	580234007630	02/10/2028	BT069843	
25	NGUYỄN KIM TRÍ	3/5/1997	058097006102	Việt Nam	TT. Phước Dân, H. Ninh Phước, T. Ninh Thuận	C	580232007629	02/10/2028	BT069842	

26	PHẠM TUÂN	5/4/2002	058202002764	Việt Nam	X. Hòa Sơn, H. Ninh Sơn, T. Ninh Thuận	C	580231007628	02/10/2028	BT069846	
27	PHẠM ĐĂNG TUÂN	7/4/1994	058094009361	Việt Nam	P. ĐôVinh, TP. PhanRang-ThápChàm, T. Ninh Thuận	C	580230007627	02/10/2028	BT069847	
28	BÙI NGỌC VIÊN	12/10/1993	058093007360	Việt Nam	TT. Khánh Hải, H. Ninh Hải, T. Ninh Thuận	C	580239007626	02/10/2028	BT069848	
29	ĐÀNG NĂNG VIÊN	18/3/1984	058084005405	Việt Nam	TT. Phước Dân, H. Ninh Phước, T. Ninh Thuận	C	580238007625	02/10/2028	BT069849	
30	NGUYỄN ANH VIỆT	9/2/1998	058098006848	Việt Nam	X. Hộ Hải, H. Ninh Hải, T. Ninh Thuận	C	580237007624	02/10/2028	BT069850	
31	PHAN THANH VINH	22/2/1990	058090006498	Việt Nam	X. Phước Thuận, H. Ninh Phước, T. Ninh Thuận	C	580236007623	02/10/2028	BT069851	
32	NGUYỄN VŨ	18/1/1982	058082000908	Việt Nam	X. ThànhHải, TP. PhanRang-ThápChàm, T. Ninh Thuận	C	580085000031	02/10/2028	BT069856	

UBND TỈNH NINH THUẬN
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

BẢNG KÊ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE

(Ban hành kèm theo Quyết định số 120/QĐ-SGTVT ngày 28/09/2023 của Sở Giao thông vận tải Ninh Thuận)

Trung tâm Cao Đẳng Nghề, Trúng tuyển hạng D ngày 28/09/2023, cấp ngày 02/10/2023

STT	Họ và tên	Ngày sinh	CMT/HC	Quốc tịch	Địa chỉ cư trú	Hạng GPLX	Số GPLX	Ngày hết hạn	Số Sê-ri	Ký nhận
1	LÊ XUÂN THÁM	1/1/1980	038080014962	Việt Nam	P. PhướcMỹ, TP. PhanRang-ThápChàm, T. Ninh Thuận	A1|D	580043001078	02/10/2028	BT069831	
2	LỘ VĂN THIÊN	4/2/1965	058065000992	Việt Nam	X. Phước Ninh, H. Thuận Nam, T. Ninh Thuận	D	580123003527	02/10/2028	BT069835	
3	TRƯỢNG VĂN TRỌNG	2/9/1995	058095005957	Việt Nam	X. Phước Hậu, H. Ninh Phước, T. Ninh Thuận	A1|D	640140005569	02/10/2028	BT069845	

UBND TỈNH NINH THUẬN
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

BẢNG KÊ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE

(Ban hành kèm theo Quyết định số 120/QĐ-SGTVT ngày 28/09/2023 của Sở Giao thông vận tải Ninh Thuận)

Trung tâm Cao Đẳng Nghề, Trúng tuyển hạng E ngày 28/09/2023, cấp ngày 02/10/2023

STT	Họ và tên	Ngày sinh	CMT/HC	Quốc tịch	Địa chỉ cư trú	Hạng GPLX	Số GPLX	Ngày hết hạn	Số Sê-ri	Ký nhận
1	MAI XUÂN DIỄN	27/5/1988	054088004671	Việt Nam	X. Suối Tân, H. Cam Lâm, T. Khánh Hòa	E	560166000198	02/10/2028	BT069808	
2	ĐẶNG QUỐC HƯNG	24/7/1988	058088007573	Việt Nam	X. Phước Vinh, H. Ninh Phước, T. Ninh Thuận	E	580136002827	02/10/2028	BT069816	
3	BÙI VĂN LÂM	17/12/1990	058090010386	Việt Nam	X. Phước Thuận, H. Ninh Phước, T. Ninh Thuận	E	580150002045	02/10/2028	BT069818	
4	ĐẶNG VĂN TRINH	27/8/1993	066093024519	Việt Nam	X. Cư Huê, H. Ea Kar, T. Đắk Lắk	E	660110805157	02/10/2028	BT069844	

UBND TỈNH NINH THUẬN
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

BẢNG KÊ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE

(Ban hành kèm theo Quyết định số 120/QĐ-SGTVT ngày 28/09/2023 của Sở Giao thông vận tải Ninh Thuận)

Trúng tuyển Phục hồi ngày 28/09/2023, cấp ngày 02/10/2023

STT	Họ và tên	Ngày sinh	CMT/HC	Quốc tịch	Địa chỉ cư trú	Hạng GPLX	Số GPLX	Ngày hết hạn	Số Sê-ri	Ký nhận
1	LÊ THỊ LỘC	22/5/1965	052165003476	Việt Nam	Lộc Thành P. Cam Lộc, TP. Cam Ranh, T. Khánh Hòa	B11	581128001893	02/10/2033	BT069785	
2	BÙI VĂN SỸ	26/6/1981	037081018428	Việt Nam	70/27, KP Đông Chiêu P. Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, T. Bình Dương	B11	580111003733	26/06/2041	BT069795	
3	LÃ VĂN HÙNG	23/7/1970	037070000243	Việt Nam	81 Hồ Hảo Hớn P. Cô Giang, Q.1, TP. Hồ Chí Minh	A1|B11	790906002775	02/10/2033	BT069780	
4	LÃ VĂN KÍNH	18/4/1955	079095033311	Việt Nam	81 Hồ Hảo Hớn P. Cô Giang, Q.1, TP. Hồ Chí Minh	A1|B11	790896225022	02/10/2033	BT069783	
5	NGUYỄN ĐỨC HUÂN	22/2/1961	033061007327	Việt Nam	P. Duy Tân, TP. Kon Tum, T. Kon Tum	B2	620053620147	02/10/2033	BT069779	
6	TRẦN VĂN QUÝ	1/1/1973	060073006856	Việt Nam	Thôn 2 X. Sơn Mỹ, H. Hàm Tân, T. Bình Thuận	B2	580124003960	02/10/2033	BT069792	
7	PHAN VĂN THẮNG	10/6/1960	026060003400	Việt Nam	TDP Phú Trung P. Cam Phú, TP. Cam Ranh, T. Khánh Hòa	B2	580139004017	02/10/2033	BT069796	
8	HUỲNH VĂN THANH	25/12/1962	051062001910	Việt Nam	Tổ 3 P. Chánh Lộ, TP. Quảng Ngãi, T. Quảng Ngãi	B2	510137000151	02/10/2033	BT069797	
9	NGUYỄN VĂN HẢI	13/6/1991	060091001959	Việt Nam	Tổ 4, Khu Phố 9 P. Bình Tân, TX. La Gi, T. Bình Thuận	C	790137023886	02/10/2028	BT069777	
10	LƯU MINH HOÀNG	2/2/1963	052063015087	Việt Nam	A1/032, Lạc Sơn X. Quang Trung, H. Thống Nhất, T. Đồng Nai	C	750035039549	02/10/2028	BT069778	
11	LÝ HÒA HƯNG	28/7/1983	075083019704	Việt Nam	Ấp Cam Tiên X. Nhân Nghĩa, H. Cẩm Mỹ, T. Đồng Nai	C	790172906382	02/10/2028	BT069781	
12	LÊ NHẬT KHẢI	28/6/1987	052087002265	Việt Nam	Khu Phố Lại Đức P. Hoài Đức, TX. Hoài Nhơn, T. Bình Định	C	790162071579	02/10/2028	BT069782	
13	HUỲNH THANH MẪN	29/9/1986	058086007907	Việt Nam	Phước Thiện 3 X. Phước Sơn, H. Ninh Phước, T. Ninh Thuận	C	790176070203	02/10/2028	BT069786	
14	NGUYỄN ĐOÀN THANH NHU	1/7/1981	075081003378	Việt Nam	Ấp Phú Lâm 4 X. Phú Sơn, H. Tân Phú, T. Đồng Nai	C	750058015816	02/10/2028	BT069787	
15	NGUYỄN VĂN NON	16/10/1986	083086015383	Việt Nam	20/3, Ấp Xương Hòa II X. Thới Thạnh, H. Thạnh Phú, T. Bến Tre	C	830053004166	02/10/2028	BT069788	
16	DIỆP ĐẠI PHONG	9/9/1978	075078012781	Việt Nam	Ấp Xuân Thiện X. Xuân Thiện, H. Thống Nhất, T. Đồng Nai	C	750048000688	02/10/2028	BT069790	
17	LÊ DUY PHƯƠNG	16/6/1988	040088011398	Việt Nam	KP10 P. PhướcMỹ, TP. PhanRang-ThápChàm, T. Ninh Thuận	C	400101000934	02/10/2028	BT069791	
18	LÊ VĂN SANG	23/8/1985	058085004107	Việt Nam	Thôn Phú Thuận X. Mỹ Sơn, H. Ninh Sơn, T. Ninh Thuận	C	580154003246	02/10/2028	BT069793	
19	NGUYỄN VĂN SƠN	10/9/1973	056073005415	Việt Nam	TDP Mỹ Ca P. Cam Nghĩa, TP. Cam Ranh, T. Khánh Hòa	C	560063005281	02/10/2028	BT069794	
20	LÊ QUỐC THOẢNH	20/1/1986	068086004832	Việt Nam	Thôn Krăngọ 2 X. Ka Đơn, H. Đơn Dương, T. Lâm Đồng	C	680118682655	02/10/2028	BT069798	
21	PHẠM NGỌC THUYÊN	15/10/1974	024074004018	Việt Nam	Thôn Đại Lãm X. Tam Dị, H. Lục Nam, T. Bắc Giang	C	240130003629	02/10/2028	BT069799	
22	TRƯƠNG NGUYỄN HOÀI TIẾN	15/11/1987	058087003164	Việt Nam	KP1 P. MỹĐông, TP. PhanRang-ThápChàm, T. Ninh Thuận	C	580094000309	02/10/2028	BT069800	
23	NGUYỄN BẢO TRƯỜNG	21/6/1998	056098003824	Việt Nam	Đá Bạc P. Cam Linh, TP. Cam Ranh, T. Khánh Hòa	C	560168006482	02/10/2028	BT069801	
24	NGUYỄN VĂN THIÊN VŨ	1/7/1983	056083001752	Việt Nam	Thôn Vĩnh Phú X. Suối Tân, H. Cam Lâm, T. Khánh Hòa	C	790175024546	02/10/2028	BT069803	
25	NGUYỄN HẢI PHONG	14/7/1973	079073019703	Việt Nam	62 Đường 6 P. Long Trường, Q.9, TP. Hồ Chí Minh	A1|C	790043015313	02/10/2028	BT069789	
26	PHẠM ĐOÀN TỰU	18/5/1973	058073005470	Việt Nam	KP3 P. ThanhSơn, TP. PhanRang-ThápChàm, T. Ninh Thuận	D	580008000618	02/10/2028	BT069802	
27	VÕ HOÀNG LIÊM	15/3/1982	060082008028	Việt Nam	Thôn Hiệp Hòa X. Tân Hải, TX. La Gi, T. Bình Thuận	E	790185001883	02/10/2028	BT069784	